

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Chia ra làm ba môn.

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải Thích Các chương nạn.

I. Về lý do: Có bốn:

1. Châu đầu tiên pháp nói vì thượng căn, ngài Thu Tử lãnh thọ pháp. Phật vì pháp thuật sự thành tựu, sau mới thọ ký. Nay, châu thứ hai Phật vì người trung căn mà nói dụ, bốn người lãnh hội Thí dụ. Nay Phật lại dùng thí dụ mà thuật lại việc thành tựu, sau đó mới thọ ký, cho nên có phẩm này.

2. Luận chép: Để đối trị hạng người thứ ba trong bảy mạn, có người Đại thừa hoàn toàn Tăng thượng mạn, cho rằng không có Thanh-văn, Duyên-giác, Phật thừa khác nhau. Vì đối trị này mà Phật nói hai thí dụ. Phẩm Thí dụ trước để đối trị hàng phàm phu cầu diệu quả trời người, kể phẩm Tín hiểu đối trị hạng Nhị thừa Hữu học chấp thừa của ta và Như-lai bình đẳng mà không cầu Phật thừa. Nay trong phẩm này đối trị người hoàn toàn ở Đại thừa, khinh mạn nói không có hai thừa, chỉ có nhất thừa. Cho nên luận kia nói: Người thứ ba đó là khiến cho biết đủ loại thừa khác nhau, Chư Phật Như-lai bình đẳng nói pháp, tùy theo hạt giống gốc lành của chúng sanh mà sanh ra. Ý nói là một cơn mưa tuy đồng mà ba cỏ, hai cây lớn lên có khác. Phật giáo tuy đồng cả ba thừa mà hai Thánh phát tu cũng khác. Căn hữu vi khí mỗi mỗi đều khác, cũng có hàng Nhị thừa quyết định. Cho nên, bởi cơ tánh khác mà bảm nhận cũng khác.

Kinh Thắng-man chép: người Thiện nam nhiếp thọ chánh pháp có thể kham lãnh bốn gánh nặng. Kinh Niết-bàn cũng nói: “Ta ở trong một thời nói Nhất thừa nhất đạo. Cho đến đệ tử không hiểu được ý ta. Nói Tu-đà-hoàn đều đắc Quả Phật”. Ý vào sự vận chuyển của người mà giáo pháp gọi là thừa. Phật pháp tuy đồng mà căn cơ tu tập có khác, cho nên nói phẩm này.

3. Đầu phẩm Phương tiện nêu hai pháp: Trí và trí tuệ môn đều rất sâu nên gọi là Nhất thừa. Phẩm Thí dụ trước nói thừa có ba, thể duy có một. Bốn người lãnh hội một là thật, ba là giả tạm, hội nhập trí tuệ sâu, nay đây là hội môn. Môn tức là A-hàm. Giáo đồng mà cơ khác thì gọi là lãnh hội môn đó. Như nói Tứ đế, ba căn đều nghe được. Ý vào uẩn, xứ, giới, duyên khởi, tam tánh, dựa vào đó tu hành có khác nên gọi là Tam

thừa. Cho nên giáo đồng mà căn cơ khác, do đó có phẩm này.

4. Trong mười nghĩa Vô thượng thì thứ nhất là hạt giống Vô thượng. Cho nên nói mưa làm thí dụ. Mười Vô thượng đều là bảy dụ, ba bình đẳng còn lại. Nhưng trong đó có vẫn còn lại, có nghĩa còn lại. Ở đây là nghĩa còn lại mà không phải vẫn còn lại. Trong bảy dụ đã có dụ về mưa. Trong mười Vô thượng có nói lại nhưng gọi là còn lại ở nói trước. Thí dụ mưa nhuần thấm cả ba thứ cỏ. Ba thứ đã khác khiến cho biết thừa cũng khác. Nay nói Thí dụ mưa, tuy thấm nhuần ba thứ cỏ, mà hình tướng căn cứ nói hai (cỏ thường và có thuốc). Phật chủng là giống cỏ lớn, từ nơi vị tướng hình mà gọi thêm hai thứ cây, căn cứ theo nghĩa khác gọi là nghĩa còn lại. Hoặc nói là vẫn còn lại, tức vẫn nói cỏ lớn, vừa và nhỏ, thí dụ mưa là phá bệnh chấp thừa khác nhau, các cây lớn nhỏ tùy theo các bậc thượng, trung, hạ. mỗi thứ đều có thọ nhận khác. Dụ mưa đây là hạt giống Vô thượng. Vẫn trước sau khác nhau, nên gọi là vẫn còn lại. Hại giống lớn này gặp mưa nhuần thấm thể dụng rất rộng lớn. Sau đó đặc quả cao siêu nên gọi là Vô thượng. Luận dẫn kinh nói không lìa thân ta là nghĩa Vô thượng. Chỉ Đại thừa mới có gọi là không lìa. Hoặc chủng, hoặc hiện, hoặc nhân, hoặc quả, tuy đều không lìa Đại thừa, mà nay nói rõ hạt giống vô lậu Đại thừa. Vì lấy nhân bốn mà thành tựu được Phật thân. Cho nên vì nói lên hạt giống Vô thượng, do đó mà có phẩm này.

II. Giải thích tên gọi: Có công năng như thần là trừ bệnh gọi là thuốc. Hình tướng thấm nhuần gọi là cỏ. Có thuốc chẳng phải cỏ. Có khi cỏ chẳng phải thuốc. Có cỏ có thuốc, không thuốc không cỏ. Thí dụ cũng vậy. Giáo, lý, hạnh, quả đều gọi là thuốc. Nay lấy thuốc hành theo giáo mà tu sanh, không lấy các loại thuốc đá khác. Vì không thể lớn lên. Hạt giống thế, ra đời có thể lớn lên, đều gọi là cỏ. Nay lấy hạt giống thiện của trời người và nhân trí Tam thừa, làm cỏ thuốc, vì trái với hại ác. Không lấy hạt giống của cỏ sanh tử đường ác, vì không thấm nhuần chánh pháp ý nay nói rõ hạt giống về ba thừa khác nhau, lãnh thọ giáo mà thành thừa khác nhau. Không muốn nói đều hết các hạt giống, nên dùng cỏ thuốc làm nhân. Thuốc đó tức là cỏ tức giải thích tên theo cách trì nghiệp. Để phân biệt chung là cỏ thuốc, tức giải thích tên theo cách y chủ. Lấy đây làm dụ đặt tên là dược thảo dụ. Hoặc nói phẩm này cũng lấy thuốc và cỏ làm dụ nên gọi là dược thảo dụ. Không phải thuốc đều tức có cỏ, há tất cả các loại cỏ đều lấy làm dụ sao? Do đây cho nên biết nói này nói là khéo. Đây dùng hai nghĩa làm dụ. 1. Như tánh cỏ khác, mưa thấm nhuần thành loại cỏ khác. Ba căn chúng sanh vốn khác lãnh

thọ giáo pháp thành ra có Tam thừa. 2. Như bầm tánh của cỏ, mỗi mỗi đều không biết nhau. Ba căn cũng vậy, không thể biết năm thừa khác nhau, cho rằng thừa không khác nhau. Do đó lấy cỏ thuốc làm thí dụ.

III. Giải đáp các chương nạn.

Hỏi: Luận giải bảy dụ và mười Vô thượng, đều nói thí dụ mưa. Vì sao tiêu đề gọi là Dược thảo dụ, sao không gọi phẩm Vũ dụ?

Đáp: Luận nói pháp năng thấm nhuần đó là để nói lên sở dụ, nên lấy dụ mưa đặt tên. Kinh lấy thể năng dụ để phá nghi kia, nên nêu dược thảo. Điền đảo chấp thừa không khác bệnh, phá trừ bệnh dùng căn cơ có khác nhau để phá, nên nhờ sự nhuần thấm của cỏ thuốc để so sánh các căn tánh nhuần thấm, do đây mà không nêu mưa ra làm thí dụ, cũng không nêu hai tánh mưa và cỏ làm phẩm.

Hỏi: Phẩm này cũng nói đến hai cây, vì sao không gọi là phẩm thảo mộc?

Đáp: Thật sự theo lý nói thì nên cả hai cùng nêu ra. Chỉ vì lập ra chánh pháp vốn để phá bệnh phát sanh, tức sanh bệnh chấp thừa giống nhau, nên dùng cỏ khác nhau để phá. Pháp Vô thượng nói lên thể tôn cao chưa là phá ở bệnh sanh, nên lấy cỏ thuốc làm phẩm, không dùng cây v.v... mà nêu tên. Thảo rộng mà cây hẹp, cỏ nhỏ mà cây lớn, là chung cả Tam thừa không chỉ có đại. Nói rõ sự lớn lên nhuần thấm không chỉ có thành thực. Thế nên có lời giải: Thuốc là mưa pháp thuốc năng thấm cỏ là căn cơ, là tánh của sở sanh. Dùng thuốc dụ pháp, dùng cỏ dụ cho căn cơ. Cả hai rõ ràng thì không còn chương ngại. Văn tuy không rõ mà lý cũng đâu sáng! Lại ở phẩm Thí dụ trước có nhà lửa nhằm chán, ba xe để ưa thích, cả hai hợp lực tên Thí dụ chỉ có thể nói chung, đây dùng căn cơ khác nhau để thấm nhuần phá bệnh chấp nhất thừa kia, do đó mà lấy dược thảo làm dụ.

- Kinh: “Bấy giờ Thế tôn cho đến nói không thể hết.”

- Tán: Phẩm này đại văn chia ra làm ba:

1. Khen ngợi ẩn khả.

2. Từ “Ca-diếp nên biết.” cho đến trở xuống là Đức Phật trình bày nói:

3. Hai hàng tụng kết thành thành tựu nói thật để dần được thọ ký đây là phần đầu.

Trước khen ngợi ẩn khả, sau càng khen ngợi vì nói hợp lý, nên nghĩa khế hợp chân như mà ẩn khả. Nêu rõ ngài Ca-diếp trình bày phần trước, chưa nói hết được công đức của Phật. Lại tự khen ngợi Phật giống như trưởng giả. Lấy tiểu có thể dụ nơi đại. Ông đồng Thánh đức với

cùng tử, dù kém cũng là đồng. Khen ngợi ẩn khả, là thành tín là kinh vậy. Tin như đã nói, kính như chỗ nói. Đức Phật khó nghĩ bàn, lại không thể nói hết.

- Kinh: “Ca-diếp nên biết... không đối.”

- Tán: Trình bày tự thuật.

Chia làm hai phần: Văn xuôi và Kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai phần: Văn đầu lại có hai: Trần nói và Kết thành.

Kệ nói là: Như-lai biết là một tướng, một vị. Trong phần trình bày lại chia làm ba:

1. Trình bày pháp.

2. Trình bày thí dụ.

3. Hợp trình bày.

Trình bày pháp bốn :

a. Phật truyền pháp ở đời.

b. Pháp lợi ích chúng sanh.

c. Thọ đạo có khác nhau.

d. Không thể tự đạt được.

Đây là phần đầu. Đối với pháp Phật được tự tại, là Ngài nói không lưỡng đối, truyền bá ở đời dẫn dắt lợi ích chúng sanh.

- Kinh: “Đối với tất cả pháp cho đến Nhất-thiết-trí địa.”

- Tán: Nói về pháp lợi khắp cả chúng sanh. Dùng đại bi, trí lực, phương tiện thiện xảo, là pháp danh tướng. Khéo nói pháp làm lợi ích chúng sanh. Lý của giáo nói cũng khéo hợp đến tận cảnh địa trí Phật, vì nói hợp với chứng, nghĩa rất ráo hợp. Hoặc giáo thuận nơi lý, lý thuận nơi hành. Hành thuận nơi quả. Cho nên nói đến quả địa Phật, lấy đây khắp thấm nhuần mà ứng hóa.

- Kinh: “Như-lai quán biết... thông đạt vô ngại.”

- Tán: Thọ đạo có sai khác. Do Phật biết chỗ trở về của các pháp Không, Hữu là chân tánh rất ráo, và biết tâm sở hành hưởng đến của chúng sanh, nên có thể khiến chúng sanh đều được lớn lên. Kinh Vô Cấu Xưng nói: Chỗ hưởng về của các pháp Không, Hữu ý chỉ rõ chỗ quay về. Quy về hưởng đến Tam tánh làm rất ráo tức chân như. Tâm sở hưởng đến tức là hành khắp hưởng đã ưa thích. Ở trong lý trí đạt đến vô ngại. Hoặc do Phật đạt được pháp và tâm chúng sanh, thật hành. Cho nên có thể thọ đạo, khiến cho ba thừa đều khác nhau.

- Kinh: “Lại đối với các pháp cho đến tất cả trí tuệ.”

- Tán: Đây nói pháp không thể tự đạt. Phật đối với các pháp, có

thể đạt tận rốt ráo, nên biết tất cả căn tánh. Đầu tiên là nói pháp Tam thừa, sau chỉ cho chúng sanh trí tuệ của Phật. Chúng sanh không như vậy thì làm sao biết được tự tánh tha tánh. Dụ và hợp ở dưới đều có thể văn này, nên chia thành bốn khoa.

Lại có giải thích rằng: Trình bày pháp có hai:

- Đối với pháp tự tại, nói không luống dối.

- “Đối với tất cả pháp, dùng trí phương tiện” trở xuống là hiển bày riêng nghĩa Phật không luống dối. Trong đây lại có bốn ý:

1. Có thể khai hai thể Bồ-đề Niết-bàn. Khai tỏ tâm của chúng sanh. Tức câu: “Dùng trí phương tiện mà giảng nói v.v...”

2. Năng hiển chân như để chỉ bày cho chúng sanh. Tức là câu: “hướng về của các pháp”

3. Năng ngộ trí Bồ-đề. Vì tỏ ngộ chúng sanh. Tức câu: “thông đạt vô ngại.

4. Tự mình đã thể nhập lại khiến cho người cùng nhập. Tức câu: “chỉ bày tất cả trí tuệ”. Tuy lời giải này thuận theo Nhất thừa ở trên mà quán văn dưới đây thì trở thành ý riêng.

Lại hiển bày riêng nghĩa không luống dối có bốn:

1. Tận cùng thật tánh của pháp.

2. Biết được Không, Hữu.

3. Biết tâm ưa thích của chúng sanh.

4. Chỉ bày quyền thật.

Dùng các trí phương tiện là Thật pháp quên lời, dùng ngôn từ nói. Dùng lời nói thì gọi là trí phương tiện. Pháp từ trí phương tiện này nói ra, tuy chẳng phải chân thật, nhưng cũng không khác với pháp sở chứng của trí Phật. Địa (đất) là y chỉ, là nơi y chỉ của trí Phật quán cảnh chân thật gọi là địa. Ý nói Phật nói lí chân, tục để khế hợp rốt ráo đến cảnh trí Phật. Thể không khác cho nên hợp với thật pháp. Hoặc giáo có thể thuận, lý, lý có thể thuận hành. Hành có thể thuận với quả, cho nên đến Phật địa. Nhất-thiết-trí là trí Phật. “Như-lai xem biết” là có khả năng biết nơi hướng về của các pháp Không, Hữu. Nghĩa là biến kế sở chấp, y, tha viên thành ba tánh pháp. Hoặc chỗ hướng về đó tức là lý chân như, nơi hướng về rốt ráo của tất cả pháp. “Cũng biết rõ thâm tâm sở hành của chúng sanh”, tức là biết tâm hành và chỗ hành ưa thích của thâm tâm các chúng sanh, tức là biết tâm chúng sanh, và chỗ hành khắp đến một cách thông đạt vô ngại đối với các pháp đã đạt được, rốt ráo rõ ràng, thế nên có thể hiển thị trí tuệ cho chúng sanh nói tam quyền nhất thật khiến chúng sanh ưa thích chứng. Trên đây ý nói Phật nói giáo khế

hợp với trí cảnh, biết rõ tánh không, hữu của các pháp, hiểu được tâm hành thích ứng học đạo của chúng sanh. Cho nên Phật có thể khai bày trí tuệ Phật cho chúng sanh, để họ trở về hội nhập. Do bốn nghĩa này những gì Phật nói đều không luống dối. Nói không luống dối nên trí Phật vô biên. Ông làm sao có thể nói? Phật biết các pháp, rõ tâm chúng sanh nên đầu tiên nói quyền sau lại nói thật, chúng sanh lãnh thọ quyền giáo, trở thành năm thừa khác nhau. Chúng sanh không có công đức trí tuệ ấy, không biết pháp thể và tâm chúng sanh, thì làm sao có thể biết pháp thật quyền, mà chấp Tam thừa không có sai khác.

- Kinh: “Ca-diếp! cho đến Thí như danh sắc đều khác.”

- Tán: Phần dưới là dụ nói. Có hai:

1. Dụ chung.

2. Dụ riêng.

Ở đây nêu phần một. Đất đai về trước là dụ cho nơi sanh ra. Từ đất đai trở xuống dụ cho tất cả Tam thiên đại thiên nêu rõ khí thế gian sở y.

Cảnh hóa độ của một Đức Phật có bốn thứ:

1. Núi: là nơi tuyên khí tán sanh muôn vật.

2. Sông: là nơi xuyên suốt lưu thông các dòng.

3. Khe: Theo Nhĩ Nhã nói nước chảy vào sông gọi là khe.

4. Hang: Nước chảy vào khe gọi là nước ở hang.

Trong thuyết văn nói dòng suối là ở hang thì sông núi đều gọi là cốc. Dụ cho trong đại thiên có bốn loài sanh. Các loại này trong đất đai đều có.

Cỏ là ba thứ cỏ, cây là hai thứ cây. trăm cỏ gọi chung là nhiều cỏ. Cỏ và cây đều có bần, rừng.

Ý nói cỏ cây đều có rất nhiều. Cỏ cây tuy nhiều mà trong đó thành tựu các hạt giống thiện pháp thể xuất gian, thế gian là dụ cho cỏ thuốc. Hạt giống của ngũ thừa thể loại đều khác nhau như bao nhiêu chủng loại, tướng dụng có sai khác như tên dọi, màu sắc đều khác nhau. Sắc là hình mạo, cũng có nghĩa là sắc loại.

- Kinh: “Mây dày bao phủ khắp nơi cho đến thế giới đại thiên.”

- Tán: Là phần biệt dụ. Có bốn ý thí dụ:

1. Pháp Vương ra đời.

2. Nói giáo nhuận khắp.

3. Các loại thọ nhuận khác nhau.

4. Không tự hay biết.

Mây dày là dụ cho Pháp vương ra đời. Che phủ khắp là dụ nói

giáo thứ hai. Hóa thân ẩn thật tám tướng dần dần hiển lộ ngầm vì rộng làm lợi ích như mây dày giăng phủ khắp nơi, chẳng phải là mây bặc phát không làm lợi ích. Mây có mười đức trong tụng có giải thích rõ. Một vị Phật hóa độ Tam thiên đại thiên, đồng thời xuất hiện ra. Âm thanh cũng cùng khắp, cho nên nói trùm khắp Tam thiên đại thiên thế giới.

- Kinh: “Đồng thời mưa tuôn xuống cho đến và các loại cỏ thuốc.”

- Tán: Dụ cho các loại thấm thuận khác nhau. Có hai ý:

- Mưa thấm nhuần khắp.

- Sự thấm thuận các loài đều khác.

Mưa thấm nhuần khắp có ba phần:

1. Nói chung.

2. Sự thấm nhuần theo chiều rộng.

3. Sự thêm lớn theo bề dọc.

Nói chung: Đồng thời là ứng với căn cơ thuận thực. Mưa tuôn xuống là dùng một âm giảng pháp, tùy theo mỗi loại mà hiểu. Đây ý nói mưa pháp lợi lạc khắp nơi đều đồng. Mưa điều hòa thấm hết cỏ cây, mà có cỏ là dụ cho gốc lành.

- Kinh: “Gốc nhỏ, thân nhỏ... cành lớn lá lớn.”

- Tán: Đây nói thấm nhuần về mặt rộng. Thể tánh Tam thừa đều khác, để phá bệnh chấp thừa đồng nhau. Căn tánh có ba, nên chia làm ba thứ.

Kinh Niết-bàn chép: Ví như người bệnh có ba thứ:

1. Hoặc gặp thầy thuốc hay cho đến không gặp mà tự quyết định có thể chữa khỏi. Đây là loại cỏ thơm.

2. Nếu gặp liền khỏi, không gặp thầy thuốc hay thì, không khỏi bệnh, tức loại cỏ vừa.

3. Hoặc gặp hay không gặp thầy thuốc hay cũng đều không khỏi bệnh, là loại cỏ nhỏ. Trong ba thừa đều có thọ lãnh, bốn pháp giáo, lý, hạnh, quả mà lớn lên, nên đều nói có rễ, thân, cành, lá. Y theo giáo mà chứng lý, y vào lý mà khởi hạnh, y vào hạnh mà đắc quả, như thân, rễ cùng thứ tự lớn lên, lại y vào sự giáo, lý, hạnh, quả, mà có hơn kém như thứ tự phối hợp. Lại giải thích trong ba hạng này đều có bốn pháp: Chủng tánh, phát tâm, tu hành và đắc quả.

Bốn pháp này có cả ba. Ngang thì gọi là Tam thừa. Dọc gọi là bốn loài, loài y vào tánh mà có nên nói là ngang. Cũng có nói nói bốn. Tức là thắng giải, kiến, tu, Vô học. Nghĩa này không có trong các loại cỏ

nhỏ cho nên không dùng.

- Kinh: “Các cây lớn nhỏ cho đến mỗi thứ đều lãnh thọ.”

- Tán: Đây nói sự lớn lên theo chiều dọc. Luận chỉ nói cây lớn mà không lia thân ta. nghĩa là hạt giống Vô thượng. Trong nghĩa có lớn lại chia ra có cây lớn, nhỏ. Trước Bất thoái vị là cây nhỏ. Sau Bất thoái vị là cây lớn. Đây có hai nghĩa:

1) Thất địa trở về trước gọi là cây nhỏ. Bát địa trở lên gọi là cây lớn. Đây đủ thì có bốn bất thối. Y theo văn tụng dưới thì chỉ hai cây chia làm thượng, trung, hạ, nên hợp hai cây để chia làm ba phẩm. Nghĩa là từ Ngũ địa trở lên thì gọi là hạ, đặc quả Tam-ma-địa bạt-đề, lạc ý sanh thân. Lục, Thất, Bát địa là hạng trung đặc giáo pháp tự tánh ý sanh thân. Cửu địa, Thập địa gọi là người thượng, đặc chủng loại câu sanh vô tác hành ý sanh thân. Có nghĩa không đúng. Từ sơ địa trở về trước thì thuộc hạng gì? Há không là cỏ nhỏ ư! Nếu theo nghĩa này thì sơ địa trở xuống tức là hạ độn tu hữu lậu pháp. Bấy địa đầu gọi là hạng trung tạp tu hai thứ hữu lậu, vô lậu. Từ Bát địa trở lên thì tu thuần vô lậu.

2) Từ Sơ địa trở xuống gọi là cây nhỏ. Sơ địa trở lên thì gọi là cây lớn chứng được không lui sụt. Hai cây lớn nhỏ đều có thượng trung hạ. Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng là ba hạng của cây nhỏ. Thập tín tức thuộc sơ phát tâm của Thập trụ. Bốn gốc lành quyết trạch phần là thuộc về hồi hướng. Do đây mà kinh Hoa Nghiêm chỉ nói ba mươi quả vị mà không nói Thập tín. Phát tâm trong Thập trụ thành ra tám tướng, cũng không nói bốn gốc lành. Vô lượng pháp giới trong vị Thập Hồi hướng mà thật hành bốn quán. Nhưng chỉ nói ngài Xá-lợi-phất tu đạo trải qua sáu mươi kiếp rồi thoái vị, tức là đến trụ thứ sáu thì mãn tức chưa vào trụ vào Bất thoái vị thứ bảy. Cho nên biết thập tín càng không có Vị riêng biệt. Do đây mà chỉ nói ba mươi ba a-tăng-kỳ kiếp. Địa tiền là ba mà không nói là bốn. Đối pháp v.v... nói thì sơ kiếp mãn đã tu bốn gốc lành, không nói có kiếp Tu-lâu dài riêng. Cho nên bốn gốc lành thuộc về, Thập Hồi hướng.

Ba hạng của cây lớn: Sơ, Nhị, Tam địa là hạng hạ đồng với thế gian. Tứ, Ngũ, Lục địa là hạng trung mới đồng với ra đời. Thất, Bát, Cửu, Thập địa là người thượng, vượt qua đạo Nhị thừa thế gian. Hoặc nói ba hạng của cỏ đều có hạ trung thượng. Trong loại cỏ nhỏ, nói cỏ người là bậc hạ, các tầng trời cõi Dục là trung, trời cõi Sắc là thượng. Cỏ vừa có ba: Bảy phương tiện là bậc hạ, Thánh Hữu học là trung, Vô học là thượng. Trước là chiều rộng suốt cả Tam thừa, nay là dọc chung cả ba vị.

- Kinh: “Một đám mây tuôn mưa... hoa quả đều thấm nhuần, nở ra hoa trái.”

- Tán: Các loại thấm nhuần đều khác. Mưa giáo pháp tuôn xuống chỉ có một, mà chỗ thấm nhuần câu cỏ đều khác nhau. Sanh là dụ cho sơ tâm, trưởng là dụ cho sau khi đã tu tập. Hoa nở là dụ nghe giáo tu hành. Quả trái là dụ sự chứng lý đặc quả, phu có nghĩa là mở ra. Do sự thấm nhuần, tùy theo chủng tánh mà hoa quả lớn lên, mỗi mỗi đều khác nhau, lấy giáo đối lý mà quên căn cơ đó. Hoặc dùng giáo đối, các căn thành thực tánh bất định sau gọi là một trận mưa. Cũng gọi là một âm giảng nói lý pháp chỉ có một tướng. Thoái tánh rốt ráo đều thành Phật, lấy giáo đối cơ quên hết lý pháp. Hoặc đối với vị sơ cơ chưa thuần thực, mà có vận dụng gọi là Tam thừa, cũng gọi là ba xe. Tùy theo cơ nghi kia, mà đầu tiên nói pháp nói có ba thừa. Lấy giáo bao gồm cả hành gọi là Tam tạng. Giảng nói giới định tuệ, các hành đều sai khác. Nếu dùng giáo bao gồm lý đối cơ mà nói thì gọi là hai tạng, là tạng Thanh-văn, Bồ-tát. Kinh A-xà-thế Vương cũng gọi tam tạng tức Bồ-tát, Độc giác, Thanh-văn. Nay đem giáo đối lý và một căn cơ sau gọi là một trận mây mưa. Thấm nhuần ba căn cơ tương xứng chủng tánh của nó gọi là ba thừa. Hiện lý có căn cơ sở đối nói thừa có khác. Giáo đối lý cơ để nhiếp nghĩa mà lập ra tên tạng, đem tạng này hiển giáo của lý để vận tải căn cơ, lập ra thừa, gọi là hai sai khác.

- Kinh: “Tuy cùng một đất sanh ra cho đến mỗi thứ đều khác nhau.”

Tán: Không tự hay biết, chủng tánh tam thừa nương vào một chân lý, một đất sanh ra, cũng đều thấm nhuần từ một trận mưa giáo pháp, một Phật. Như các cỏ cây thấm nhuần tuy khác, mà không tự hay biết, cũng không biết loại khác thấm nhuần lớn lên thế nào. Đây chỉ giải thích sơ lược, tìm trong phần hợp thuyết ở dưới sẽ nói đủ.

- Kinh: “Ca-diếp nên biết cho đến như vàng mây lớn nổi lên.”

- Tán: Trình bày hợp nói. Cũng có bốn, mỗi nghĩa này cũng có hai:

1. Điều nêu pháp.

2. Điều dụ hợp.

Đây hợp với Pháp vương ra đời.

- Kinh: “Dùng đại âm thanh cho đến cõi nước đại thiên.”

- Tán: Phần thứ hai này là hợp nói giáo pháp trùm khắp. Không chỉ có thân trùm khắp mà âm thanh cũng trùm khắp.

- Kinh: “Ở trong đại chúng... Phật Thế tôn.”

- Tán: Phần thứ ba hợp nói thắm nhuần mỗi loại đều có khác. Đây có hai: Pháp nói và Dụ hợp.

Trong pháp nói có bốn:

1. Phật tự nêu nhóm hợp.
2. Người nghe đều đến.
3. Phật dắt dẫn làm lợi lạc chúng sanh.
4. Chúng sanh nghe được lợi ích.

Phần một có hai:

- a. Tự tuyên bố.
- b. Nhóm hợp mọi người.

Nêu tuyên bố có ba:

Tuyên bố đức hiệu.

Tuyên bố lợi dụng.

Tuyên bố tri kiến.

- Kinh: “Người chưa được độ cho đến khiến đắc quả Niết-bàn.”

- Tán: Đây nói lợi ích dụng có đầy đủ trong tứ nguyện. Độ là xa lìa vượt lên. Giải nghĩa là tu đoạn.

- Người chưa lìa khổ thì khiến cho lìa khổ.

- Người chưa dứt ác tu thiện thì nguyện dứt ác tu thiện.

- Chưa được an vui thì nguyện cho được an vui.

- Người chưa thành Phật đắc Niết-bàn, thì nguyện thành Phật đắc Niết-bàn.

Kinh Anh Lạc chép: biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo là bốn thế nguyện rộng lớn. Bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong đây cũng thứ lớp phối hợp như thế.

- Kinh: “Đời nay đời sau cho đến nói đạo.”

- Tán: Đây là tuyên bố về tri kiến. Có ba:

1. Ba minh.
2. Hai trí.
3. Ba pháp.

Biết việc đời nay đời sau mà xưng ba minh vậy. Đã thấy thì gọi là nay. Hiện tại quá khứ đều biết như nay. Nhất thiết kiến là tục trí. Hoặc đầu tiên gọi là hai trí, sau là ngũ nhãn.

Biết khai nói là biết các cảnh, khai hành vi ác, nói các quả. Biết chánh tà, khai thiện ác, nói đoạn tu. Lại biết Đại thừa, khai Độc giác, nói Thanh-văn. Lại dị sanh Hữu học, Vô học. Tà chánh bất định, ba tụ, ba căn, ba khoa, ba thế, ba bảo, ba độc, ba đức, ba lậu v.v...

Lại biết sanh tử chỉ rõ tà chánh mà nói có thông, bítt. Lại ngộ biết

các đạo có thể lược khai và nói rộng. Như thứ tự đó phối hợp với một loại đạo là Nhất thừa, nhất đạo, thì có hai đạo thiện ác hướng về thế gian và xuất thế gian, cho đến mười nghiệp đạo v.v... đều như lý mà biết.

- Kinh: “Các người hàng trời, người cho đến vì nghe pháp.”

- Tán: Trên là tuyên bố, đây là nhóm họp.

- Kinh: “Bấy giờ có vô số cho đến mà nghe pháp”.

- Tán: Người nghe đều đến.

- Kinh: “Như-lai lúc ấy cho đến mau đắc thiện lợi.”

- Tán: Phật sẽ dắt dẫn ợi ích vì lợi căn mà nói pháp Đại thừa, vì độn căn mà nói pháp Nhị thừa. Vì lợi căn mà nói hai thứ cỏ, độn căn thì nói cỏ nhỏ. Vì người tinh tấn mà nói tu hành, vì người biếng nhác mà nói mười niệm vãng sanh phương Tây v.v...

- Kinh: “Các chúng sanh này cho đến dần dần vào đạo.”

- Tán: Nói chúng sanh, đạt lợi ích có hai quả:

- Quả thế gian: Hiện đời được an ổn, đời sau sanh về đường lành. Như pháp do lý mà thọ quả báo, không hành phi pháp gọi là “do đạo được thọ vui.

- Quả ra đời: Là chương nhập đạo. Hoặc không có chủng tánh khiến đắc quả trước. Người có chủng tánh khiến cho đắc quả sau. Lại Bồ-tát đạo có hai:

1. Tăng thượng sanh đạo.

2. Quyết định thắng đạo.

Tùy thứ tự nên biết, dứt hai chương cho nên có năng lực đắc đạo.

- Kinh: “Như mây lớn kia cho đến đều được lớn lên.”

- Tán: Đây hợp với pháp trước, sự thọ nhận mỗi pháp đều khác.

- Kinh: “Như-lai nói pháp cho đến không tự hay biết.”

- Tán: Phần thứ tự hợp có hai: Pháp và Dụ.

Trong pháp thì đầu tiên nêu ra sau giải thích, đây là phần nêu trước Phật nói pháp sau đó chúng sanh nghe.

Một tướng là không có tướng khác cho nên tướng vô tướng.

Kinh Đại Bát-nhã quyển bảy mươi ba chép: Các pháp đều đồng một tướng, nên gọi là vô tướng. Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Thường nói các pháp không sanh không diệt, không đây không kia, một tướng vô tướng.

Một vị đó là một vị vô lậu, là vì lợi ích trên hết, không có tự thể riêng.

Kinh Thắng-man chép: Một tướng một vị. Là vị minh, giải thoát.

Tuy nói các pháp khác nhau, cuối cùng đều trở về một tướng chân như, một vị vô lậu trở về thật tánh. Thể của một vị, một tướng là gì? Là giải thoát tướng Hoặc, Nghiệp, Khổ, lìa tướng phân biệt của sở tri chướng. Khác nhau với vô lậu hữu vi khởi tận thể tướng vắng lặng. Tức như nói cứu cánh của pháp không lìa trí tánh. Có thể thông suốt lý này, thì rớt ráo đến Nhất-thiết-chủng-trí, đặc quả Bồ-đề.

Lại Phật nói lý chỉ có một tướng, rớt ráo thuận với trí Trung đạo. Chúng sanh nghe pháp thuận theo mà thọ trì, đọc tụng tu hành, thành có sai khác như ba cỏ, hai cây, không tự biết được.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến Thể tánh của chủng tướng.”

- Tán: Giải thích phần nêu ra ở trước. Có ba ý:

1. Phật biết tướng chung.
2. Phật biết tướng riêng.
3. Phật biết chúng sanh không biết.

Đây là nói phần một. Chủng tướng hữu vi các loại đều khác. Thể tánh vô vi là căn bản lý. Lại tác dụng của tâm hành là chủng tướng. Thể tánh của tâm pháp là thể tánh.

- Kinh: “Nhớ việc gì?... dùng pháp gì mà được.”

- Tán: Đây nói Phật biết tướng riêng. Có bốn điều:

- Sở duyên của ba tuệ.
- Hành tướng của ba tuệ.
- Thể của ba tuệ.
- Hành pháp gì, đặc quả gì? Dùng giáo gì, đặc lý gì?

Bốn điều Phật đều biết rõ. Chỉ nói về cỏ thuốc, nên chỉ nói loại này mà không nói biết thứ khác.

- Kinh: “Chúng sanh trụ ở cho đến rõ ràng không chướng ngại.”

- Tán: Đây là phần kết: Phật biết, chúng sanh không biết, địa là hạt giống. Hoặc là các thể tánh hành tướng tâm bình đẳng gọi chung là địa, khác nhau với nghĩa đất ở trước. Kia gọi là một chân thật, nói giáo pháp của Phật như một cơn mưa. Nhất chân pháp giới gọi là nhất địa. Trong đó bốn loài sanh gọi là cây cỏ cho đến Tam thừa ngũ thừa, hữu tánh vô tánh, Phật đều biết mà chúng sanh không biết.

- Kinh: “Như cây cỏ lùm rừng cho đến có tánh thượng trung hạ”.

- Tán: Nêu dụ thứ tư hợp thành pháp nói trước.

Kinh: “Như-lai biết cho đến Nhất-thiết-chủng-trí”.

Tán: Trên là trình bày nói, đây là kết thành tựu ở trước. Có hai ý:

1. Phật biết sâu mà vì chúng sanh nên nói pháp cạn.

2. Khen ngợi Tôn giả Ca-diếp có thể hiểu nghĩa pháp sâu, đây là phần đầu.

Từ câu: “Cuối cùng trở về không”. Về trước là nói Phật biết tánh không sâu xa, thể tức là chân như phi không bất không. Từ câu: “Quán tâm chúng sanh” về sau, là vì chúng sanh trí cạn mà nói khiến khế hợp vào lý sâu.

Cả hai chương ngại đều viên mãn mà thành chủng trí, dùng ý này giữ gìn tâm ý chúng không liền vội nói Nhất-thiết-chủng-trí, mà tạm nói giáo Nhị thừa. Cho nên Phật và Thanh-văn do đây thành khác nhau.

- Kinh: “Các vị Ca-diếp cho đến khó hiểu khó biết.”

- Tán: Đây là Phật khen Tôn giả Ca-diếp có thể hiểu được nghĩa sâu. Đầu tiên nêu ra, sau giải thích.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến nói các loại pháp.”

- Tán: Tụng hợp có năm mươi bốn hàng tụng rưỡi.

- Năm mươi hai hàng rưỡi đầu tụng lại nghĩa trước.

Hai hàng tụng sau nhập vào phẩm đoạn thứ ba kết thành tựu nói thật để dần dần thọ ký. Phần một chia làm hai:

- Năm mươi một hàng tụng nói lại việc trước.

- Một hàng rưỡi tụng kết lại phần trước.

Lại chia làm ba:

- Bốn hàng tụng, lại pháp đã nói ở trước.

- Mười hàng rưỡi tụng phần dụ nói ở trước.

- Ba mươi sáu hàng tụng rưỡi là nói phần hợp thuật ở trước.

Trong bốn hàng tụng đầu lại chia làm hai:

- Ba hàng tụng nói, Phật xuất hiện ở đời.

Vua trong các pháp nói pháp không luống dối. Một hàng tụng sau, là tụng nói không thể tự đạt được.

Ba hàng đầu lại có ba:

- Nêu pháp do Pháp vương nói là không luống dối.

- Như-lai nói pháp ít có.

- Thành tựu nói trước.

Phá hữu là có thể phá nhất hữu. Nghĩa là Ba cõi, là sở hữu của một nghiệp hữu. Hoặc phá nhị hữu, là bốn hữu, trung hữu. Hoặc là phá tam hữu, tức là Ba cõi. Hoặc phá tứ hữu. Nghĩa là sanh hữu, tử hữu, trung hữu, bốn hữu. Kinh luận tân dịch là tiền thời hữu. Hoặc phá ngũ hữu, tức là năm đường. Hoặc phá thất hữu, là năm đường, nghiệp hữu, trung hữu. Hoặc phá chín hữu, tức là chín nơi, chín loại hữu tình ở. Hoặc phá hai mươi lăm hữu. Tụng:

*Bốn cõi, bốn đường ác
Phạm vương sáu trời Dục.
Trời Vô tướng, Tịnh cư.
Tứ không và tứ thiên.*

- Hoặc phá hữu là chấp có Tam thừa, không có tâm biệt thể. Hoặc trong hàng tụng của kinh, câu đầu là pháp thân, câu kế là báo thân, nửa hàng sau là nói hóa thân.

- Kinh: “Như-lai tôn trọng cho đến chẳng liên chuyên vợi nói.”

- Tán: Đây nói sự nói pháp của Như-lai là ít có. Giữ lâu sự màu nhiệm của ba thừa quyền, nhất thừa thật, Phật không nhanh vì nói thật pháp gấp rút nói, chính là sẽ nói lại, tất phải đợi sanh cơ mới có thể nói.

- Kinh: “Nếu người hiểu biết nghe cho đến thì là mất hẳn.”

- Tán: Đây thành tựu lời nói trước. Sợ có nghi hối, là mất hẳn, không thích nói việc tốt mau lẹ.

- Kinh: “Thế nên ngài Ca-diếp cho đến khiến đắc chánh kiến.”

- Tán: Đây là hàng tụng thứ tư nói không thể tự đạt. Do Phật thấy rõ cùng tận các pháp, biết rõ căn tánh chúng sanh mà tùy theo thẳng giải dục lạc của chúng sanh. Vì người mà nói pháp khiến được chánh kiến, mà chúng sanh không thể tự biết các căn tánh thượng trung hạ.

- Kinh: “Ca-diếp nên biết cho đến như có thể nắm tới.”

- Tán: Đoạn thứ hai có mười hàng tụng rưỡi, tụng lại phần dụ thuật ở trước.

- Ba hàng tụng hợp nói hai dụ ở trước, tức là dụ Pháp vương ra đời, dụ nói giáo nhuần khắp

- Sáu hàng tụng rưỡi, tụng dụ thứ ba là sự thấm nhuần khác nhau.

- Một hàng tụng nói: Dụ không tự hay biết.

Ba hàng đầu lại có hai: Một hàng đầu tụng chung hai dụ trước. Hai hàng sau là: Nói riêng về công đức của mây. “Cũng như vầng mây lớn nổi lên ở thế gian.” Đây là dụ đầu tiên. “Che phủ khắp cả” là dụ thứ hai. Tụng mây có bảy đức.

1. Mây trí tuệ chứa nhuần, như rồng có tâm từ khởi mây ngậm mưa, suốt trong bảy ngày, đợi nông phu làm xong rồi mới đổ mưa. Đây là dụ mây từ của Phật chứa đựng muôn đức, đợi sanh cơ mà hàng phục, thị hiện tương ưng căn khí thuận thực mà tuyên dương pháp.

2. Chớp nhóang sáng chói là nói thân quang trí quang soi chiếu khắp nơi, dụ cho Phật hóa độ dẫn dắt chúng sanh.

3. “Tiếng sấm xa vang động”: Làm kinh động chúng sanh, dụ cho Phật ra đời, ma vương chúng ma đều sợ hãi.

4. “Khiến mọi loài vui mừng”: Mọi loài vui vì mây giăng khắp, mừng là sẽ che phủ. Đây dụ cho Phật ra đời nói pháp như thuyền bè qua năm đường.

5. “Ánh mặt trời che khuất”. Dụ dứt trừ phiền não. Kinh hoa Nghiêm nói che mặt trời tà kiến.

6. “Trên mặt đất mát mẽ”: Khiến chúng hữu tình ở trên đất sanh tử đắc quả Niết-bàn.

7. “Mây mù giăng bủa gập, dường như nắm tối được”: Như thừa hành giáo pháp. Có khi giải thích chữ mây mù là tối tăm. Còn đây là dụ cho Phật dĩ lòng từ bi rộng lớn, làm bậc khuôn phép, khiến chúng sanh vui thích sẽ được thành Phật. Ví như tay nắm tối, chính là trạng thái có thể được qua Bồ-đề không thể dùng thân tâm để đắc mà dường như đắc nhân chẳng phải là chánh đắc. Dùng trí chứng nay lại nêu thêm ba ý:

1. Văn trước nói Phật ra đời vì lòng từ bi thương xót bốn loài sanh.

2. Rồng khởi mây mưa. Hai thân pháp báo hiện ra hóa độ ở đây.

3. Mưa cam lồ nhuần thấm khắp cả mầm cây. Đây là dụ cho năng nói pháp ích lợi cho tất cả chúng sanh.

- Kinh: “Mưa tưới thấm khắp nơi cho đến mặt đất đều nhuần thấm.”

- Tán: Trở xuống sáu hàng tụng rưới là nói. Sự thấm ướt mỗi loài có khác. Có ba phần:

- Một tụng về công năng của mưa.

- Hai hàng rưới nói thể (các loài) thêm lớn thấm nhuần.

- Ba hàng tụng nói về dụng giúp ích thêm lớn.

Kinh Niết-bàn chép: Phật đối với chúng sanh không phân biệt thấp hèn sang cả, mà chỉ quán những chúng sanh có thiện tâm hay không. Chẳng sanh tâm khinh thường nên gọi là đều khắp. “Bốn phương đều rới xuống” tức khắp bốn loài sanh thấm nhuần cùng khắp.

- Kinh: “Núi sông hang hiểm... cây cỏ đều tốt tươi.”

- Tán: Đây là nói thể thấm nhuần của muôn vật.

- Một hàng tụng chung.

- Một hàng rưới tụng riêng, chủng tánh nẩy mầm, trăm loại ngũ cốc tốt tươi. Đây là dụ hai thứ cỏ lớn và vừa. Tam thừa đều có chủng tánh. Mía, nho có loại trắng, vàng, đen đâu là loại cây nhỏ không có chủng tánh. Lại được sanh người trời như đất khô thấm khắp, không có

hạt giống ra đời. Cho nên, tổng kết trên nói cỏ thuốc Tam thừa, hai cây lớn, nhỏ đều có chủng tánh. Nhân mưa này mà cây cỏ xanh tươi màu mỡ. Đây là y vào nghĩa riêng, để hợp với thí dụ. Cũng có bốn nói: Sông núi hang, hiểm, mộng mạ là chỉ trăm giống lúa. Trong Nói vẫn nói cỏ sanh ra ở ruộng gọi là miêu (mầm non lúa non). Lúa này chưa trở bông. Đã trở bông thì gọi là mạ. Lại nói lúa còn ở ngoài đồng thì gọi là mạ. Trước giải thích mộng mạ là khác nhau. Đây dụ cho nhân quả khác nhau. Sau đó giải thích mộng cũng là mạ là chỉ dụ chung cho các loại thóc lúa.

- Kinh: “Vân mây kia mưa xuống cho đến đều được tươi tốt cả.”

- Tán: Đây nói về dụng thêm lớn. Có hai: Hai hàng tụng đầu bảm nhuận lớn lên. Một hàng tụng sau nói sự thấm nhuần tươi tốt.

Ba phẩm thượng trung hạ khác nhau chỉ ở trong cây. Gọi là cây lớn, nhỏ tất cả hai đều có ba hạng còn bốn thứ: Thân, rễ, nhánh, lá thì như trước. Các loài này đều có hoa cùng với quả đều có sắc tươi sáng, là tác dụng ngoài. Hoa dụ chung cho nhân, trái dụ quả v.v... Còn lại theo vẫn có thể biết.

- Kinh: “Như thể tướng đó cho đến mà đều được sum suê.”

- Tán: Đây là tụng dụ thứ tư nói không thể tự biết. Sự thấm nhuần của muôn vật có khác nhau, mặc dù đồng nhận một cơn mưa giáo pháp. Chúng sanh Tam thừa cuối cùng đều không thể tự biết công đức sở đắc của mình. Cho nên biết Tam thừa có sai khác. Trí tuệ sai khác, như ba cỏ, hai cây hấp thụ cơn mưa khác nhau.

- Kinh: “Phật cũng vậy cho đến sự chân thật của các pháp.”

- Tán: Trở xuống ba mươi sáu hàng rưỡi là tụng, về phần hợp nói trước. Văn chia làm hai: Hai hàng tụng đầu tụng hai hợp, kế là ba mươi hàng rưỡi tụng thọ lãnh mưa pháp của Tam thừa đều có khác nhau. Không tụng phần hợp thứ tư là không tự hay biết.

- Kinh: “Đức Đại thánh Thế tôn cho đến và Niết-bàn an vui.”

- Tán: Trở xuống ba mươi bốn hàng rưỡi tụng sự thấm nhuần đều khác. Phần Văn xuôi có bốn: Tụng nay chỉ nói ba:

1. Bốn hàng tụng rưỡi Phật tự tuyên bố nhóm hợp.

2. Chín hàng tụng, Phật ứng dẫn dắt lợi ích chúng sanh.

3. Hai mươi một hàng tụng: Chúng sanh nghe được lợi ích. Chỉ không tụng phần người nghe pháp cùng đến. Trong bốn hàng đầu có hai:

a. Ba hàng rưỡi tụng nêu ra.

b. Một hàng tụng nhóm hợp.

Tuy có chủng tánh mà chưa hề nghe pháp. Sự thiếu thốn pháp là gọi là khô héo.

- Kinh: “Các chúng trời người... ra mắt đấng Vô thượng”...

- Tán: Đây là lời nhóm họp.

- Kinh: “Ta là đấng Thế tôn cho đến giải thoát Niết-bàn.”

- Tán: Trở xuống chín hàng tụng. Phật ứng hiện dẫn dắt lợi ích chúng sanh. Trong đây có năm ý:

1. Hai hàng tụng Phật nói về thắng pháp.

2. Một hàng tụng vì nhân Đại thừa.

3. Hai hàng rưỡi tụng bình đẳng nói pháp.

4. Một hàng rưỡi tụng chuyên làm lợi ích.

5. Hai hàng tụng không lựa chọn tốt xấu.

Vị cam lộ chánh pháp, chữa hết mọi căn bệnh phiền não, nên dụ là cam lộ.

- Kinh: “Dùng một âm tiếng mầu... mà làm nhân duyên.”

- Tán: Làm nhân Đại thừa. Giả như nói nhị quyền cũng đều vì Nhất-thiết-chủng-trí của Đại thừa.

- Kinh: “Ta xem tất cả... lúc chúng đông cũng vậy.”

- Tán: Nói pháp bình đẳng. Vật ngã đã dứt nên không có kia đây. Yêu ghét đã dứt nên không có tâm oán thân. Không sển pháp nên ta không tham trước. Không ganh ghét nên cũng không chướng ngại. Cho nên dù một nhiều đều bình đẳng nói pháp. Đây cũng như ý kệ trước nói: “Nếu người tin về Phật”.

- Kinh: “Thường giảng nói pháp mầu cho đến như mưa thấm nhuần khắp.”

- Tán: Chuyên làm lợi ích. Đến đi, đứng, ngồi ba uy nghi của Phật là thị hiện. Đây lược không nói uy nghi nằm, là vì lúc làm lợi lạc. Hoặc đi là thị hiện nhập Niết-bàn, đến là thị hiện thành chánh giác. Ngồi có nghĩa là nói pháp lợi sanh. Đứng là đọi chúng sanh thuần thực căn cơ, quyết không sanh mỗi một lưỡi biếng vì lòng từ bi thâm sâu.

- Kinh: “Sang hèn trên dưới cho đến mà không lưỡi moi.”

- Tán: Không phân biệt tốt xấu. Không chọn chủng tánh giàu nghèo sang hèn, chỉ xem có gốc lành mà nói giáo.

- Kinh: “Tất cả chúng sanh cho đến trụ vào các địa.”

- Tán: Trở xuống hai mươi một hàng tụng nói về. Chúng sanh nghe pháp được lợi ích. Chia ra làm ba:

1. Chín hàng tụng rưỡi, tụng pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuần có khác, tánh có sai khác.

2. Ba hàng rưỡi là tụng, pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuần tốt tươi có khác nhau.

3. Tám hàng rưỡi tụng pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuần thành ra hoa trái có khác nhau. Chín hàng rưỡi đều có hai phần:

- Tám hàng tụng pháp.

- Một hàng rưỡi tụng dụ, có hai phần:

Trong tám hàng lại chia làm hai:

- Một hàng tụng nói chung.

- Bảy hàng tụng nói riêng.

Trụ ở các địa là Tam thừa, Thập địa, là Càn tuệ địa, Chủng tánh địa, Bát nhân địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, Như-lai địa.

Tụng dưới là nói riêng về ba thứ cỏ. Trước đây nói Tam thừa cùng hành Thập địa. Hoặc phàm phu địa, Hữu học địa, Vô học địa, Bồ-tát địa, Như-lai địa. Hoặc nói địa trong Tam thừa. Tức là vô tánh, chủng tánh Nhị thừa và Đại thừa tánh, tùy theo kia mà phân lập ngôi vị, tức gọi là địa.

- Kinh: “Hoặc là chỗ trời người cho đến là cỏ thuốc bậc thượng” cho đến

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng riêng nêu. Có hai phần:

1. Bốn hàng tụng về ba thứ cỏ.

2. Ba hàng tụng hai thứ cây.

Bốn hàng đều lại chia ba phần:

a. Một hàng tụng về cỏ nhỏ.

b. Hai hàng tụng về cỏ vừa.

c. Một hàng tụng về cỏ lớn.

Người không có chủng tánh cùng ưa vui với trời người thì gọi là cỏ nhỏ. Kinh Thiện giới nói: Người không có chủng tánh, chỉ lấy gốc lành cõi trời người mà thành thực. Hoặc bảy phương tiện cũng gọi là cỏ nhỏ. Nhị thừa gọi là cỏ vừa. Bồ-tát gọi là cỏ vừa, tức trong kinh Thắng-man gọi là hoa sen.

Chúng sanh không nghe điều phi pháp tức là cỏ thuốc nhỏ. Người Nhị thừa trung gian là cỏ thuốc vừa. Bồ-tát tức là cỏ thuốc lớn, đây là ba bệnh nhân theo nói trong kinh Niết-bàn.

- Kinh: “Lại có các Phật tử cho đến gọi đó là cây lớn.”

- Tán: Đây nói hai thứ cây. Một hàng rưỡi tụng nói cây nhỏ. Một hàng rưỡi tụng nói cây lớn.

Tức đối với cỏ lớn chia làm hai cây này. Địa tiền là cây nhỏ, đã

dứt nghi, quyết định biết là sẽ thành Phật.

Thập địa là cây lớn đặc hai lợi chứng Bất thối, cho nên không phải hạnh bất thối. Nghĩa y theo đây thì Nhị thừa chưa thành tựu quả Vô học cũng gọi là cỏ vừa.

Ba ý sanh thân căn cứ vào quyết định thì chỉ nói bậc Vô học hồi tâm về sau thọ sanh tử Biến dịch, ở ngôi vị quyết định, khác nhau như người Hữu học, nên ở đây không nói. Người chưa nhập Thánh vị, và người không có chủng tánh gọi là cỏ nhỏ. Y theo đây thì địa tiền không gọi là cây nhỏ. Nếu vậy thì lấy thuộc loại gì? Cho nên giải thích trước là tốt. Hoặc trước Thất địa gọi là cây nhỏ. Bát địa về sau gọi là cây lớn. Đây nói Bất thoái, hành Bất thoái. Tất cả các Bồ-tát gọi là cỏ lớn. Luận Trí độ nói: Như sấm chớp loài chim nhỏ nghe thấy đều kinh hãi, khổng tước nghe thì nhảy múa, nên gọi là cỏ lớn. Nhân giải thích phần vị của hai cây khác nhau mà trong kinh luận nói lý Bồ-đề chẳng phải y cứ một. Kinh Đại Bát-nhã quyển bảy mươi bốn nói có năm thứ Bồ-đề. Kinh Kim cương Bát-nhã nói: Thật sự không có tiểu pháp đặc quả Bồ-đề Phật. Nếu có tiểu pháp đặc quả Bồ-đề thì Phật Nhiên Đăng khi thọ ký cho ta đã có lời dạy: Mới phát tâm liền thành Chánh giác.

Kinh này nói tám trời cho đến một đời sẽ đắc Bồ-đề. Cũng có nói nói: Trải qua ba đại kiếp mới lên quả Chánh giác. Các luận Sư đối với nghĩa này điều nói khác nhau. Luận Du-già chép: Kiếp có hai thứ: 1. Tính theo số ngày tháng năm tức luận này nói ngày đêm tháng năm; 2. A-tăng-kỳ kiếp.

Các Bồ-tát có thể vượt là chỉ vượt ở kiếp trước mà không vượt kiếp sau. Y vào nghĩa này, nếu căn cứ ở vô vi chân như, vô tướng, thì thật sự không có tiểu pháp có thể đắc Bồ-đề. Vì tông chỉ Kinh Bát-nhã gọi là vô vi. Người Sơ địa phát tâm Bồ-đề liền chứng. Chứng phát tâm này chẳng phải như phát tâm chủng tánh, cũng đồng với kinh này. Bát sanh cho đến nhất sanh sẽ đắc. Hoặc trong kinh này căn cứ vào chứng phát tâm, luận giải là chứng đắc Sơ địa Bồ-đề, cho nên người mới phát tâm liền lên ngôi Chánh giác, đó là nhân chủng tánh phát tâm Bồ-đề.

Ba đại kiếp tu đắc Bồ-đề đó là Vô thượng Bồ-đề, quả mãn Bồ-đề trải qua đại kiếp tu hành, cũng không trái nhau. Quả Phật rộng lớn nhân nhỏ chẳng thể mà thành tựu. Hoặc còn tư duy khác trái với chánh đạo. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Phật khó thành tựu cho thọ ký mau. Nói Phật dễ thành, thì thọ ký cho chậm.

- Kinh: “Phật bình đẳng nói cho đến mà lãnh thọ đều khác.”

- Tán: Dụ này nói sự thắm nhuần có khác vì tánh khác.

- Kinh: “Phật dùng thí dụ này cho đến dần dần thêm sum suê”.

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi nói pháp dụ hợp nói, nhân thắm thuần sung túc đều khác. Gồm có:

- Một hàng tụng rưỡi dụ những điều Phật đã nói ít như một giọt nước của biển cả.

- Hai hàng tụng pháp dụ hợp nói nói nhân thắm nhuần tươi tốt khác nhau.

- Kinh: “Pháp của Chư Phật cho đến đều khắp được đầy đủ.”

- Tán: Có tám hàng tụng, hợp nói về pháp dụ nói sự thắm thuần thành trái quả có khác. Đây có hai:

- Sáu hàng rưỡi tụng về pháp nói.

- Một hàng tụng rưỡi dụ nói.

Sáu hàng rưỡi đầu lại chia làm ba:

- Một hàng tụng nói chung khiến đắc quả viên mãn. Cũng là tụng riêng khiến quả của cỏ nhỏ viên mãn.

- Hai hàng tụng nói về cỏ vừa.

- Ba bài rưỡi nói cỏ lớn.

Thế gian được đầy đủ nghĩa là nói trời người đầy đủ.

- Kinh: “Dần dần tu hành cho đến mỗi mỗi đều thêm lớn.”

- Tán: Nói về cỏ trung. Nhân từ cõi trời người, dần dần đắc đạo quả, nhị thừa viên mãn.

- Kinh: “Nếu các Bồ-tát cho đến mà được thêm lớn.”

- Tán: Nói cỏ lớn. Cỏ lớn tức là hai cây. Một hàng tụng rưỡi nói về cây nhỏ. Hai bài sau nói về cây lớn.

- Kinh: “Như thế Ca-diếp cho đến đều được kết thành quả.”

- Tán: Dụ đây hợp với thắm nhuần kết trái sung mãn ở trên.

- Kinh: “Ca-diếp nên biết cho đến Chư Phật cũng như vậy.”

- Tán: Đây đoạn thứ hai tụng kết thành ở trước. Ta cũng như Chư Phật, đầu tiên nêu quyền sau mới nói pháp thật. Các thầy tín thọ thật là ít có.

- Kinh: “Nay vì các thầy cho đến đều sẽ thành Phật.”

- Tán: Đoạn thứ ba là kết thành tự, Thế tôn nói thật pháp để dần dần thọ ký cho chúng Thanh-văn. Nhân sở hành của Thanh-văn thành Phật còn rất xa, cho nên là đạo phương tiện sở hành của Bồ-tát. Luận chép: Sở hành của các thầy là Bồ-tát đạo. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề, thoái rồi trở lại phát tâm. Việc tu hành trước kia, gốc lành không mất cũng đồng như sau đó đắc quả. Cho nên tu theo Nhị thừa là nhân phương tiện xa của Đại thừa, đó gọi là Bồ-tát đạo.